

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2019/DS- ST

Ngày: 30-9-2019

V/v " tranh chấp hợp đồng dân sự "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xô và bà Trần Thị Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLST- DS ngày 27 tháng 6 năm 2019 về việc " tranh chấp hợp đồng dân sự".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1952 và bà Đào Thị H, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương

Bà H ủy quyền cho ông M

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Ông M có mặt, bà V có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M, bà Đào Thị H trình bày: Ông bà và vợ chồng ông Cao Văn T, bà Nguyễn Thị V có mối quan hệ là hàng xóm quen biết. Vào khoảng năm 2015 do có nhu cầu cần vốn để làm ăn kinh doanh vật liệu xây dựng nên ông T, bà V có hỏi vay tiền ông bà. Ông M và bà H đồng ý cho bà V và ông T vay tiền làm 2 lần như sau:

Lần thứ nhất vào ngày 17-3-2015 (âm lịch) vợ chồng tôi cho bà V và ông T vay 12.000.000 đồng. Khi vay hai bên có làm giấy tờ thỏa Tận lãi suất là 1,5%/ tháng và hạn 1 năm sau trả tiền gốc.

Lần thứ 2 vào ngày 06-4-2015 (âm lịch) vợ chồng tôi cho bà V và ông T vay số tiền là 50.000.000 đồng. Khi vay hai bên có làm giấy tờ thỏa Tận lãi suất là 1,5%/ tháng, thời hạn vay là 1 năm.

Tổng số tiền gốc 2 lần ông T và bà V vay của vợ chồng ông M, bà H là 62.000.000 đồng. Kể từ khi vay số tiền 12.000.000 đồng bà V và ông T có trả được cho ông M, bà H 3 tháng tiền lãi là 540.000 đồng. Số tiền vay 50.000.000 đồng bà V và ông T đã trả được 3 tháng tiền lãi là 2.250.000 đồng. Đến ngày 06-7-2015 bà V và ông T trả cho vợ chồng ông M 20.000.000 đồng tiền gốc của số tiền vay 50.000.000 đồng. Sau đó ông T và bà V ngừng trả lãi và gốc. Đến khoảng năm 2016 sau khi ông Cao Văn T mất, ông M cũng một vài lần sang yêu cầu bà V phải trả số tiền còn lại nhưng bà không trả. Nay ông M, bà H xác định bà V và ông T còn nợ ông bà số tiền gốc là 42.000.000 đồng. Do ông T đã mất nên ông bà chỉ yêu cầu bà V là người có trách nhiệm trả số nợ này, rút yêu cầu khởi kiện với ông Cao Văn T. Ông bà yêu cầu trả lãi suất là 1,5%/ tháng, tuy nhiên sau đó ông bà tự nguyện không yêu cầu lãi suất. Về yêu cầu lãi suất ông bà rút yêu cầu chỉ yêu cầu bà V phải thanh toán tiền gốc là 42.000.000 đồng và trả ngay không đồng ý trả dần.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị V xác định vợ chồng bà có vay của ông M, bà H tổng số tiền là 62.000.000 đồng là đúng. Ông bà vay của ông M, bà H làm 2 lần: lần thứ nhất vào ngày 17-3-2015 (âm lịch) vay 12.000.000 đồng; lần thứ 2 vào ngày 06-4-2015 (âm lịch) vay số tiền là 50.000.000 đồng. Hai lần vay vợ chồng bà và vợ chồng ông M cùng làm giấy tờ, thỏa Tận lãi suất 1,5%/ tháng, thời hạn vay là 1 năm. Kể từ khi vay vợ chồng bà có trả được 3 tháng tiền lãi của số tiền vay 12.000.000 đồng và 3 tháng tiền lãi của số tiền vay 50.000.000 đồng. Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng vợ chồng bà đã trả được 20.000.000 đồng tiền gốc. Nay bà xác định vợ chồng bà còn nợ ông M, bà H số tiền gốc là 42.000.000 đồng. Bà xác định đây là nợ chung của vợ chồng bà nhưng do ông T đã mất vào ngày 23-9- 2015 nên bà sẽ có trách nhiệm trả số nợ này cho ông M, bà H. Bà đồng ý trả dần cho ông M, bà H mỗi năm là 5.000.000 đồng, do hiện nay điều kiện kinh tế gia đình khó khăn không có khả năng để trả ngay được.

Những người thừa kế của ông Cao Văn T là bà Nguyễn Thị V, anh Cao Xuân B, Cao Xuân D và Cao Ngọc A cùng xác định sau khi ông T mất, di sản của ông để lại chỉ có diện tích đất ở 542m², thửa số 2866 tờ bản đồ số 05 địa chỉ

tại Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương, trên có xây dựng nhà ở là tài sản chung của ông bà. Bà và các con bà làm thủ tục thừa kế cho một mình bà là người có quyền sử dụng tài sản trên. Sau đó bà đã tách một phần quyền sử dụng đất cho anh Cao Xuân Duy nhưng hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy các tài sản trên bà V là người có quyền sử dụng, sở hữu. Bà là người có trách nhiệm trả nợ, các con của ông bà không liên quan. Anh Bình, Duy và Ngọc Anh cùng xác định việc bố mẹ để các anh vay nợ ai, số nợ như nào các anh không biết, không liên quan và đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng. Bố mẹ đẻ của ông T hiện nay đều đã mất.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn M vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị V phải trả số tiền nợ là 42.000.000 đồng, không đồng ý trả dần. Bà V vắng mặt nhưng có quan điểm giữ nguyên ý kiến đã trình bày với Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng: Điều 357, 463, 464, 465, 468, 470, 615, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M và bà Đào Thị Hạnh. Buộc bà Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà V.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về yêu cầu trả tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng: Theo giấy biên nhận ngày 17-3-2015 (âm lịch) bà Nguyễn Thị V và ông Cao Văn T vay ông Nguyễn Văn M và bà Đào Thị H số tiền là 12.000.000 đồng; giấy biên nhận ngày 06-4-2015 (âm lịch) ông T và bà V vay vợ chồng ông M số tiền là 50.000.000 đồng. Tổng số tiền ông T và bà V vay 2 lần là 62.000.000 đồng. Ngày 06-7-2015 ông T và bà V đã thanh toán cho ông M, bà H số tiền gốc là 20.000.000 đồng, còn lại 42.000.000 đồng chưa trả. Hình thức và nội dung thỏa Thuận của các bên tại 2 Giấy biên nhận hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 463, 464, 465, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Mặt khác, bà V cũng xác định vợ chồng bà còn nợ ông M, bà H tiền gốc 42.000.000 đồng là đúng và tự nguyện đồng ý trả dần toàn bộ số tiền nợ này. Ông Nguyễn Văn M và bà Đào Thị H chỉ yêu cầu bà V là người có trách nhiệm trả nợ. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông M, bà H là có căn cứ chấp nhận buộc bà Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm trả cho ông M, bà H số tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng. Ông M, bà H tự nguyện không yêu cầu bà V phải trả tiền lãi suất. Xét nguyện vọng của ông bà là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn M và bà Đào Thị H được chấp nhận nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ theo quy định tại các Điều 357, 463, 464, 465, 466, 468, 470, 615, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d Điều 12 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M và bà Đào Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn M và bà Đào Thị H số tiền là 42.000.000 đồng (*bốn mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 2.100.000 đồng (*hai triệu một trăm nghìn đồng*). Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn M, bà Đào Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.050.000 (

một triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai T tiền số AA/2017/0007753 ngày 26/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Nguyệt

